TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27/4/2018
"V/v thay đổi người trực tiếp nuôi con giữa anh V với chị H".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thế Đăng
Các hội thẩm nhân dân: Bà Giáp Thị Hiền
Ông Đinh Công Mỹ
Thư ký phiên toà: Bà Vi Thị Lan Phương, Thư ký Tòa án.
Đại diện VKSND huyện T không tham gia phiên toà.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/4/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: anh Nguyễn Thanh V - sinh năm 1988
Nơi cư trú: thôn T, xã N, huyện T, Bắc Giang;
* Bị đơn: chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1993
Nơi cư trú: thôn Th, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Nguyễn Thanh V trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H được Tòa án nhân dân huyện T giải quyết ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 79 ngày 27/5/2016. Khi ly hôn anh chị đã thỏa thuận để chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thành Đ - sinh ngày 01/01/2012, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 500.000đ/tháng từ tháng 6/2016 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Từ đó đến nay chị H vẫn trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ. Khoảng tháng 10/2017 âm lịch, chị H kết hôn với anh L và đưa con về nhà chồng ở thôn Th, xã Ng, huyện T sinh sống. Trong tuần thì chị H cho con đi học mẫu giáo ở Trường mầm non xã Ng. Cuối tuần con được nghỉ thì chị H cho anh sang nhà chồng thăm con. Anh sang thăm thì thấy chị H đi làm công ty cả ngày, từ sáng đến tối mới về, để con ở nhà cho mẹ chồng trông nom. Mẹ chồng chị H không chăm sóc cháu cẩn thận mà để cháu tự chơi ngoài sân, ngoài cổng, nghịch đất

nghịch nước, trời rét mà để cháu ăn mặc phong phanh, bẩn thỉu khiến cháu hay bị ho, cúm, ốm vặt và gầy đi nhiều so với trước đây. Gia đình nhà chồng chị H kinh tế khó khăn nên không đảm bảo được cái ăn cái mặc cho cháu.

Từ khi ly hôn đến trước khi chị H lấy chồng mới, anh vẫn cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị H là 500.000đ/tháng. Nhưng sau khi chị H lấy chồng thì chỉ cho anh thăm con còn khi anh muốn đón con về thăm ông bà nội hoặc về ăn cỗ 1-2 ngày thì chị H không cho, nên anh không đưa tiền cấp dưỡng cho chị H nữa mà chỉ mua sữa cho con mỗi khi sang thăm con.

Nay anh thấy việc chị H trực tiếp nuôi dưỡng con không đảm bảo được cho cháu được trông nom, chăm sóc, giáo dục tốt nhất. Hiện tại anh ở chung cùng bố mẹ ở thôn T và làm cơ khí tại nhà, thu nhập trung bình khoảng 9-10 triệu mỗi tháng.

Vậy anh đề nghị Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, cho anh được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thành Đ - sinh ngày 01/01/2012, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Tại phiên toà, anh V giữ nguyên ý kiến

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, bị đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Thanh V vào năm 2011, vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh V chỉ thích chơi bời và đi chọi gà, không chịu tu chí làm ăn, chị khuyên can nhiều nhưng anh V không nghe nên chị đã nộp đơn ly hôn. Ngày 27/5/2016, anh chị được Tòa án nhân dân huyện T công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận để chị tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thành Đ - sinh ngày 01/01/2012, anh V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 500.000đ/tháng từ tháng 6/2016 đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn đến nay chị vẫn trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, anh V có sang thăm con tổng cộng 4-5 lần, thỉnh thoảng có mua bánh kẹo, sữa cho con. Về tiền cấp dưỡng nuôi con thì 02 tháng đầu anh V có đưa cho chị tổng số tiền là 1.500.000đ, từ đó đến nay không đưa đồng nào nữa.

Khoảng tháng 10/2017 âm lịch, chị kết hôn với anh Lê Văn L - sinh năm 1988 ở thôn Th, xã Ng. Sau khi kết hôn, chị đưa con về chung sống với anh L cùng mẹ chồng tại nhà riêng của gia đình chồng ở thôn Th. Khi anh V và ông bà nội sang thăm cháu thì chị và gia đình vẫn cho anh V thăm, đón con bình thường, không hề cản trở. Cách đây khoảng 01-02 tháng anh V sang nhà chồng chị để đón con về nhà ông bà nội ăn cỗ nhưng anh V không nói trước với chị, khi anh V sang còn nói với chị là giờ chị lấy chồng rồi thì anh sẽ không đóng tiền cấp dưỡng cho con nữa. Chị thấy rất bực mình nên mới không cho anh V đón con.

Hiện tại chị làm công nhân công ty may K ở khu công nghiệp Đ, xã C thu nhập trung bình khoảng 06 triệu mỗi tháng, sáng đi tối về, tùy công việc mà chị được nghỉ vào 16h30, 18h hoặc 20h hàng ngày, mỗi tháng được nghỉ 04 ngày chủ nhật. Chồng chị làm thợ sơn, thu nhập 06 triệu đồng/tháng, ngoài ra mẹ chồng chị còn được trợ cấp xã hội 1.300.000đ/tháng. Vợ chồng chị đều có

sức khỏe tốt, kinh tế ổn định, đảm bảo sinh hoạt cho cả gia đình và việc học hành cho con. Tuy mẹ chồng và chồng chị hiện nay không phải ruột thịt nhưng cũng chăm sóc cháu như con, cháu ruột. Cháu vẫn ngoan, khỏe mạnh, phát triển bình thường, sinh hoạt và học tập đều ổn định. Việc anh V trình bày là gia đình chị để cháu tự chơi một mình, ăn mặc phong phanh, bẩn thỉu, đói rét là không đúng sự thật.

Vì vậy anh V yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Thành Đ thì chị không đồng ý.

Tại phiên tòa: chị H giữ nguyên ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến đề nghị của các đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: anh V và chị H đã ly hôn và thỏa thuận chị H được nuôi con chung. Nay anh V khởi kiện chị H có nơi cư trú tại thôn Th, xã Ng, huyện T để yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

2. Về yêu cầu khởi kiện của anh V: Anh V kết hôn với chị H và có một con chung là Nguyễn Thành Đ. Trong thời gian chung sống giữa hai anh chị nảy sinh mâu thuẫn dẫn đến ly hôn và thỏa thuận giao con chung cho chị H nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị H về sống chung với bố mẹ đẻ, đến tháng 10/2017 chị tái hôn với anh L nên đã mang cháu Đ về nhà anh L chung sống. Anh V cho rằng, việc chị H mang cháu Đ về sinh sống ở nhà chồng tại xã Ng, huyện T là địa bàn điểm nóng về tệ nạn ma túy có thể làm cho cháu Đ bị mắc tệ nạn ma túy khi lớn lên. Hơn nữa, cháu Đ sẽ không được quan tâm chăm sóc đầy đủ khi phải sống cùng những người không có quan hệ huyết thống là chồng và mẹ chồng chị H. Cháu Đ sống trong hoàn cảnh như vậy khiến anh không yên tâm, anh yêu cầu Tòa án buộc chị H phải giao cháu Đ cho anh nuôi dưỡng. Chị H không chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của anh V vì hiện nay chị vẫn nuôi dưỡng cháu Đ bình thường.

HĐXX thấy: Sau khi ly hôn, anh V và chị H đã thỏa thuận giao con chung cho chị H nuôi, từ đó đến nay chị H vẫn nuôi dưỡng cháu Đ bình thường. Mặc dù từ tháng 10/2017, chị H đã cùng cháu Đ về nhà chồng mới của chị sinh sống và học tập nhưng đời sống, sinh hoạt học tập của cháu Đ không có gì bất thường. Anh V cho rằng cháu Đ ở nhà chồng chị H sẽ không được thương yêu đầy đủ và sau này cháu lớn lên có thể bị mắc tệ nạn ma túy là không có căn cứ. Hiện nay, chị H vẫn đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đ, chị đi làm công nhân và có thu nhập ổn định để nuôi

cháu, mẹ chồng và chồng chị H cũng chia sẻ với chị H, luôn thương yêu chăm sóc cháu Đ. Đối chiếu vào điểm b khoản 2 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con", HĐXX không có căn cứ để giao cháu Đ cho anh V nuôi như yêu cầu của anh, mà để chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ nhằm đảm bảo sự ổn định cuộc sống và học tập của cháu.

3. Về án phí: Yêu cầu của anh V không được chấp nhận nên anh V phải chịu án phí theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm b khoản 2 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh V đối với chị Nguyễn Thị H.

Chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành Đ, anh Nguyễn Thanh V tiếp tục cấp dưỡng nuôi con cùng chị Nguyễn Thị H theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 79/2016/QĐST-HNGĐ ngày 27/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

2. Về án phí: anh Nguyễn Thanh V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0001829 ngày 09/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Xác nhận anh V đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thế Đăng